TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HNGĐ-ST
Ngày 24/11/2017.
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa chị D và anh H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được

Ông Huỳnh Văn Đương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Phương Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02/10/2017 về tranh chấp *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐST-HN, ngày 07/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp CV, xã VK, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp CV, xã VK, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 chị và anh Nguyễn Quốc H do quen biết và xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã VK, huyện CN, tỉnh Trà Vinh, thời gian chung sống chị và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Đăng K, sinh ngày 17/9/2013 và Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 14/02/2015 hiện chị đang nuôi dưỡng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn về cách ứng xử, giao tiếp, cách sống

không hợp nhau năm 2013 đến nay chị và anh H cải nhau nhiều lần chị có về nhà cha mẹ ruột nhiều lần, anh H đều xuống rước về nhà đến tháng 7 năm 2017 chị và anh H cải vả, chị đã về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

- Về con chung: Tên Nguyễn Quốc Đăng K, sinh ngày 17/9/2013 và Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 14/02/2015 hiện chị đang nuôi dưỡng chị yêu cầu được tiếp tục nuôi và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi người con là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Quốc H trình bày:

Về hôn nhân, con chung như chị D trình bày là đúng, về tài sản chung anh không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, về số nợ phải thu phải trả không có không yêu cầu giải quyết, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do không hợp nhau về tính tình, cách sống, giao tiếp và trong tình cảm vợ chồng cải vả thường xuyên anh thừa nhận khi cải nhau chị D dẫn hai con bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và anh cũng có đến rước về nhiều lần đến tháng 07 năm 2017 chị D đã về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

- Về con chung: Tên Nguyễn Quốc Đăng K, sinh ngày 17/9/2013 và Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 14/02/2015 hiện đang sống chung với chị D anh H yêu cầu được nuôi Nguyễn Quốc Đăng K, sinh ngày 17/9/2013 và anh đồng ý để D tiếp tục nuôi con Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 14/02/2015 không ai cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị D được quyền nuôi hai con anh đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị D và anh H, về con chung giao cho chị

D tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Quốc Đăng K, sinh ngày 17/9/2013 và Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 14/02/2015 anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng mỗi đứa con là 750.000 đồng theo yêu cầu của chị D, về tài sản chung chị D và anh H không yêu cầu nên không xem xét, số nợ phải thu, phải trả chị D và anh H cho rằng không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhân định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Quốc H có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Nguyễn Thị Mỹ D khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc H và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Quốc H xác lập quan hệ hôn nhân năm 2011 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị D và anh H là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Chị D cho rằng do bất đồng quan điểm về cách ứng xử giao tiếp và lối sống, vợ chồng luôn có quan điểm khác nhau về mọi mặt, dẫn đến cãi vã nhau, về mặt tình cảm thì luôn nghi kỵ lẫn nhau, sống không có hạnh phúc. Năm 2013 đến nay chị D và anh H có cải nhau chị đã về nhà cha mẹ sống nhiều lần, sau đó chị D quay về chung sống thì tiếp tục mâu thuẫn, chị và anh H ly thân từ tháng 07 năm 2017 nay chị yêu cầu cho chị được ly hôn với anh H. Tại các bản khai, tại phiên tòa anh H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng về mọi mặt, không hợp nhau về tình cảm, đến tháng 07 năm 2017 chị D dẫn hai con về nhà cha mẹ ruột sống nhiều lần nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Tại phiên tòa hôm nay chị D và anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. chị D và anh H tự nguyện ly hôn là có căn cứ phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con: Xét thấy cháu Nguyễn Quốc Đăng K, sinh ngày 17/9/2013 và Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 14/02/2015 là con của chị D và anh H, trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu K và cháu T sống với chị D, được chị D nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Tại phiên tòa chị D xin được quyền nuôi dưỡng hai

con chung là phù hợp, để cháu K và cháu T có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu K và cháu T cho chị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị D yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa hôm nay chị D chỉ yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai đứa con chung mỗi đứa, mỗi tháng là 750.000 đồng. Việc xin rút một phần về yêu cầu mức cấp dưỡng của chị D là tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận, Thấy anh H là giáo viên có thu nhập ổn định xét yêu cầu của chị D tại phiên tòa hôm nay là phù hợp cần được chấp nhận, anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định tại Điều 107, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị D và anh H không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Buộc chị D có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng: Anh H có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 05, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Quốc H.

Về nuôi con: Giao Nguyễn Quốc Đăng K, sinh ngày 17/9/2013 và Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 14/02/2015 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Quốc H phải cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con tên Nguyễn Quốc Đăng K, sinh ngày 17/9/2013 và Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 14/02/2015 mức cấp dưỡng 750.000đồng/một người con/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng và cấp cho đến khi cháu K và cháu T tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về tài sản chung: Chị D và anh H không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả; Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0010772, ngày 28/9/2017 do chị D nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Nguyễn Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Quốc H nộp 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã VK;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tranh

Thành viên Hội đồng xét xử		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Lê Văn Được	**Huỳnh Văn Đương**	**Lê Thị Tranh**